



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN
VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ
(PV DRILLING)

Ngày 29 tháng 3 năm 2008



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (PV Drilling)

Vốn điều lệ
1.321.676.760.000 đồng

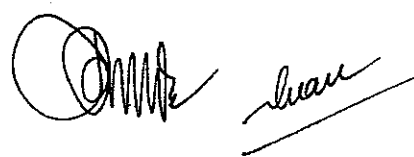
MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:	5
ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
ĐIỀU 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	8
ĐIỀU 3: MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY	8
ĐIỀU 4: PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
ĐIỀU 6: CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU	11
ĐIỀU 7: CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	12
ĐIỀU 8: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	12
ĐIỀU 9: THU HỒI CỔ PHẦN	13
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	13
ĐIỀU 10: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 11: QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 13: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
ĐIỀU 14: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 15: CÁC ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN	19
ĐIỀU 16: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	20
ĐIỀU 17: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO	21
ĐIỀU 18: THỂ THỨC, CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP, BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ LẬP BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22



 Trang 2/56/

ĐIỀU 19:	THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP HOẶC BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN.....	25
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
ĐIỀU 20:	THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ	28
ĐIỀU 21:	QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
ĐIỀU 22:	CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
ĐIỀU 23:	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY THẾ.....	33
ĐIỀU 24:	CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY.....	38
ĐIỀU 25:	TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	38
ĐIỀU 26:	CÁN BỘ QUẢN LÝ	38
ĐIỀU 27:	BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	38
ĐIỀU 28:	THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY.....	40
IX.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.....	41
ĐIỀU 29:	TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	41
ĐIỀU 30:	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	41
ĐIỀU 31:	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG.....	43
X.	BAN KIỂM SOÁT	43
ĐIỀU 32:	BỔ NHIỆM BAN KIỂM SOÁT.....	43
XI.	NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG TỔNG CÔNG TY	46
ĐIỀU 33:	NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG TỔNG CÔNG TY	46
XII.	QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	46
ĐIỀU 34:	QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	46
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	47
ĐIỀU 35:	CỔ TỨC.....	47
XIV.	QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT	48
ĐIỀU 36:	QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC	48
ĐIỀU 37:	QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN	49
ĐIỀU 38:	QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN, CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI	49
ĐIỀU 39:	QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY LIÊN KẾT.....	50



ĐIỀU 40:	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP Ở CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....	50
XV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	51
ĐIỀU 41:	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	51
ĐIỀU 42:	TRÍCH LẬP QUỸ	51
ĐIỀU 43:	NĂM TÀI KHÓA	51
ĐIỀU 44:	HỆ THỐNG KẾ TOÁN	52
XVI.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO	52
ĐIỀU 45:	BÁO CÁO HÀNG NĂM	52
ĐIỀU 46:	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO	53
XVII.	KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY.....	53
ĐIỀU 47:	KIỂM TOÁN	53
XVIII.	CON DẤU	53
ĐIỀU 48:	CON DẤU	53
XIX.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	54
ĐIỀU 49:	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	54
ĐIỀU 50:	TRƯỜNG HỢP BÊ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.....	54
ĐIỀU 51:	THANH LÝ	54
XX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
ĐIỀU 52:	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	55
XXI.	SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	55
ĐIỀU 53:	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	55
XXII.	NGÀY HIỆU LỰC.....	56
ĐIỀU 54:	NGÀY HIỆU LỰC	56
ĐIỀU 55:	CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	56



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (Sau đây gọi là “Tổng Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty là Công ty cổ phần, được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua phù hợp với pháp luật Việt Nam là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 03 năm 2008, Điều lệ này thay thế bản Điều lệ được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 03 tháng 8 năm 2006. Điều lệ này gồm XXII chương 55 Điều như sau:

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ viết hoa sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. “Tổng Công ty” có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí.
 - b. “Tập đoàn” có nghĩa là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - c. “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết.
 - d. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam, nước ngoài và quốc tế.
 - e. “Vốn điều lệ” có nghĩa là số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - f. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.
 - g. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày 15 tháng 02 năm 2006.
 - h. “Ngày truyền thông” có nghĩa là ngày được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Ngày 26 tháng 11 năm 2001.
 - i. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật số



02/2002/QH11 ngày 16/12/2002 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004 về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- j. "Người quản lý" có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- k. "Người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp.
- l. "Cổ đông" có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức (có hoặc không có tư cách pháp nhân) được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu đã phát hành của Công ty.
- m. "Nhà đầu tư chiến lược" có nghĩa là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (Địa chỉ 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Địa chỉ 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) tại thời điểm thông qua Điều lệ này.
- n. "Cổ phần có quyền biểu quyết" có nghĩa là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- o. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- p. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng Công ty" có nghĩa là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.
- q. "Quyền chi phối của Tổng Công ty" có nghĩa là Tổng Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật, hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp khác.
- r. "Công ty con" có nghĩa là doanh nghiệp do Tổng Công ty góp 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng Công ty giữ Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, hoặc có Quyền chi phối được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.
- s. "Công ty liên kết" có nghĩa là doanh nghiệp do Tổng Công ty giữ cổ phần, góp vốn dưới mức chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.
- t. "Đơn vị hạch toán phụ thuộc" có nghĩa là xí nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng điều hành hoặc các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc khác của Tổng Công ty.
- u. "Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con" có nghĩa là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm Tổng Công ty và các Công ty con.
- v. "Nhà nước" có nghĩa là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Tên đầy đủ của Tổng Công ty bằng tiếng Việt là "**Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**". Tên đầy đủ của Tổng Công ty bằng tiếng Anh là "**Petrovietnam Drilling and Well Services Corporation**". Tên viết tắt của Tổng Công ty là "**PV Drilling**". Tổng Công ty là đơn vị thành viên của Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam.
2. Tổng Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập theo hình thức chuyển từ một doanh nghiệp nhà nước thành một công ty cổ phần, được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Theo đó, Tổng Công ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày thành lập, các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:
Trụ sở chính : Lầu 2-3, Toà nhà 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại : 84.8.9142012
Số fax : 84.8.9142021
Website : www.pvdrilling.com.vn
4. Tổng Công ty thực hiện chế độ kế toán độc lập, được mở tài khoản tại ngân hàng, được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, nhãn hiệu thương mại, biểu tượng và con dấu riêng theo qui định của pháp luật.
5. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.



6. Tổng Công ty có thể thành lập Công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Tổng Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật không cấm.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, Thời hạn hoạt của Tổng Công ty là vô thời hạn.
8. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty. Tập đoàn cử người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty trừ khi có sự thay đổi của Pháp luật về việc quy định đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty.
9. Quyền và trách nhiệm của Tổng Công ty đối với Công ty con:
 - a. Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với điều lệ của các Công ty con;
 - b. Phối hợp giữa các doanh nghiệp trong Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không hiệu quả hoặc giảm hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;
 - c. Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;
 - d. Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
 - e. Thực hiện các quyền chi phối đối với Công ty con theo điều lệ của Công ty con. Tổng Công ty không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các Công ty con, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên liên quan của Công ty con; và
 - f. Các quyền và trách nhiệm khác được qui định tại điều 147 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 3: MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty:
 - Khoan và sửa chữa các giếng khoan Dầu khí;
 - Cung ứng giàn khoan và giàn khoan khai thác Dầu khí;
 - Kinh doanh vật tư, thiết bị khoan và khai thác;
 - Thử vỉa, bơm trám xi măng, đo địa vật lý giếng khoan và các dịch vụ khác liên quan đến công tác khoan và khai thác;



- Dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn và bảo vệ môi trường;
- Dịch vụ thiết kế, chế tạo, lắp đặt, kiểm tra chất lượng, sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí; cung cấp vật tư, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị dây chuyền công nghiệp và các dịch vụ liên quan đến công tác khoan dầu khí cho các dự án dầu khí ở trong nước và ngoài nước;
- Đào tạo công nhân khoan dầu khí, cung cấp lao động cho các giàn khoan, giàn khai thác dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và cung cấp lao động có chuyên môn khoan dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong nước và ngoài nước;
- Tư vấn kỹ thuật, tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu của Tổng Công ty:

Tổng Công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước để huy động vốn của các cán bộ công nhân viên đang làm việc trong Tổng Công ty, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm cả dịch vụ, thương mại và sản xuất. Giữ vững và phát triển thị trường hiện có, đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên dịch cơ cấu kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu của Tổng Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Tổng Công ty và các Cổ đông. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

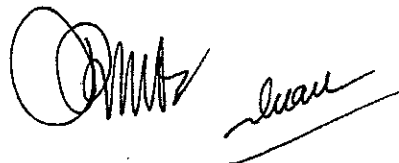
ĐIỀU 4: PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này và tiến hành tất cả các biện pháp khác có ích hoặc thích hợp để đạt được mục tiêu của Tổng Công ty.
2. Tổng Công ty có thể tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào mà pháp luật không cấm, nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Tổng Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.



2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng Công ty là **1.321.676.760.000** Đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành **132.167.676** (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) cổ phần với mệnh giá một cổ phần là **10.000** Đồng (Mười nghìn đồng chẵn).

Vốn điều lệ được góp có thể bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết sản xuất, các tài sản khác có giá trị được tính bằng tiền Việt Nam.

Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng không trái với những quy định của Pháp luật.

3. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và chi tiết khác của Cổ đông sáng lập được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty số 4103004335 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/02/2006 và được đăng ký thay đổi những lần tiếp theo.
4. Tổng Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Tổng Công ty có thể phát hành cổ phần theo một mức giá có thể trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
7. Chào bán cổ phần:

Sau khi đăng ký kinh doanh và chào bán cổ phần lần đầu, cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được xem xét ưu tiên chào bán một phần hoặc toàn bộ cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày làm việc kể từ ngày thông báo để Cổ đông đăng ký mua. Mọi cổ phần nào không được đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán phù hợp với quy định của pháp luật.



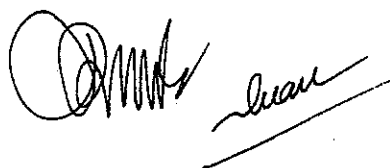
8. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành bằng bất kỳ cách nào theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều 14.2.L và 21.2.m của Điều lệ này không cấm. Cổ phần được Tổng Công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
9. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Mọi quan hệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Tổng Công ty:
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là đại diện sở hữu cổ phần của Nhà nước đầu tư vào Tổng Công ty.

ĐIỀU 6: CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
2. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Tổng Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 85 Luật Doanh nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) của Tổng Công ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Doanh nghiệp.
3. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một hoặc một số chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.10 của Điều lệ.
4. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Tổng Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
5. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
6. Trường hợp chỉ có một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi tên được chuyển nhượng thì chứng chỉ cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
7. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hay bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng Công ty tiêu hủy.



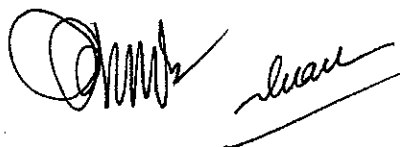
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng giám đốc Tổng Công ty hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng Công ty cấp cổ phiếu mới.
8. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi tên phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ cổ phiếu và Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng chỉ cổ phiếu này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
9. Tổng Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hay không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.
10. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 7: CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 8: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở /Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở /Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Tổng Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp Cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố chết mà không có người thừa kế, số cổ phần của Cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật hiện hành.
4. Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức, pháp nhân giải thể hoặc phá sản hoặc sáp nhập hoặc chia, tách, việc sở hữu các cổ phần sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật.





ĐIỀU 9: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh trực tiếp do việc không thanh toán này gây ra cho Tổng Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác chuyển giao cổ phần trên cho bên thứ ba.
5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi đến hạn phải thanh toán cho Tổng Công ty cộng với lãi theo tỷ lệ được Hội đồng quản trị quy định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi một cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 10: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty bao gồm:
 - a. Đại hội đồng cổ đông;

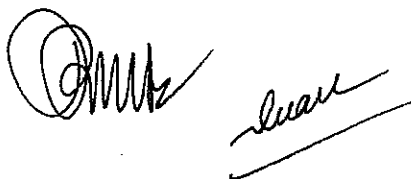



- b. Hội đồng quản trị;
 - c. Tổng giám đốc; và
 - d. Ban kiểm soát.
2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh và văn phòng đại diện do Tổng giám đốc ban hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



ĐIỀU 11: QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là người chủ sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Tổng Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các phiên họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức tương ứng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông đó trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hay sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trong trường hợp Tổng Công ty bị giải thể, được nhận phần tài sản của Tổng Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu, sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và Cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.1 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Các Nhà đầu tư chiến lược có các quyền của Cổ đông phổ thông, trừ quyền tự do chuyển nhượng cổ phiếu trong thời hạn quy định trong Điều 12 và quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần tại mục 2.h trên đây.



4. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ ít nhất từ 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có thêm các quyền sau:
 - a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này; (đối với một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ ít nhất từ 10% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 32.2 của Điều lệ này);
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp tại khoản 5 Điều này;
 - c. Xem và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Xem và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - c. Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản ghi rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
6. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này được thực hiện như sau:

- a. Các Cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Tổng Công ty biết chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty sẽ thông báo cho các Cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:
 - a. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
 - c. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - d. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
 - e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
 - f. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm quy định của Pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân hoặc tổ chức khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng Công ty.
2. Đối với Cổ đông là Nhà đầu tư chiến lược ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn có thêm các nghĩa vụ sau:
 - a. Trong mọi trường hợp, không được chuyển nhượng dưới mọi hình thức số cổ phần được mua ưu đãi với tư cách Nhà đầu tư chiến lược trong vòng ít nhất 03 năm, kể từ ngày Tổng Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong trường

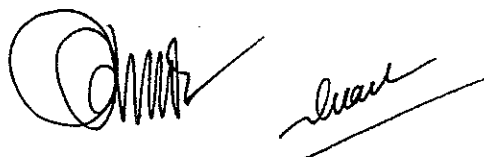


hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty chấp thuận; và Nhà đầu tư chiến lược chỉ được chuyển nhượng số cổ phần trên cho Tổng Công ty với giá không vượt quá 80% giá trúng thầu bình quân được công bố theo kết quả đấu giá vào ngày 27/12/2005;

- b. Thực hiện các cam kết khác khi tham gia mua cổ phần với tư cách Nhà đầu tư chiến lược; và
- c. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ với tư cách là Nhà đầu tư chiến lược.

ĐIỀU 13: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định trong Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm một lần.
Đại hội đồng cổ đông họp thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên, trong thời hạn 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể mời các kiểm toán viên độc lập tham dự họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy 20% số Vốn điều lệ đã bị mất.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (Văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan); và
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại khoản 3.c



- hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3d hoặc 3e trên đây. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp nêu trên, trong vòng 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - e. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Tổng Công ty trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 14: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có các quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Tổng Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm, bảng cân đối kế toán, báo cáo lỗ lãi;
 - b. Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;



- d. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - f. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - g. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho từng loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - h. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các Cổ đông của Tổng Công ty;
 - k. Quyết định giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc Đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giao dịch mua đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - l. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
 - m. Chấp thuận việc Tổng Công ty hoặc chi nhánh Tổng Công ty ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 30.4.c của Điều lệ này;
 - n. Phê duyệt những thay đổi theo các quyền được quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;
 - o. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - p. Quyết định việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2.m nếu Cổ đông đó hoặc những Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ những Người có liên quan đến Cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

ĐIỀU 15: CÁC ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

1. Các Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông là tổ chức có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.



2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp và đóng dấu (nếu tổ chức có con dấu).
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, biểu quyết của đại diện theo ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông là người ủy quyền đó đã:
 - a. Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; hoặc
 - b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại.

ĐIỀU 16: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

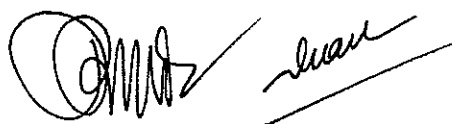
1. Với quyết định của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này, bất kỳ khi nào vốn cổ phần của Tổng Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.



3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và 19 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt liên quan đến việc phân chia lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 17: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO

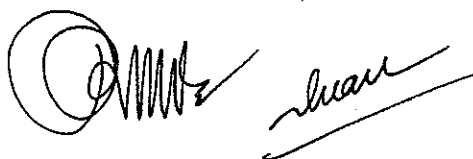
1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách các Cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Tổng Công ty;
 - b. Ấn định thời gian và địa điểm họp;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan, kể cả các dự thảo văn bản dự kiến sẽ thông qua tại cuộc họp.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Tổng Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Tổng Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Tổng Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Tổng Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty, tên và địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông, thời gian và địa điểm họp.





4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 11.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên;
 - c. Đề xuất không có những thông tin cần thiết; hoặc
 - d. Đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.
7. Nếu tất cả Cổ đông đại diện 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung nghị quyết chưa được đưa trước vào chương trình họp.

ĐIỀU 18: THỂ THỨC, CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP, BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ LẬP BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Nếu Đại hội đồng cổ đông không bầu thì chủ tọa sẽ chọn những người đó;



2. Người chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản cuộc họp, nghị quyết đã được thông qua và gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa cuộc họp và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại văn phòng Tổng Công ty.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được coi là hợp lệ khi có đủ số lượng thành viên dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết. Khi cuộc họp lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự họp và tỷ lệ số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể thông qua một cách hợp lệ.
Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
4. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký Cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp đã có mặt.
5. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một nghị quyết trước, thu số thẻ không tán thành nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành một vấn đề, hoặc không có ý kiến, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
6. Cổ đông đến họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng chủ tọa không có trách



nhiệm dừng cuộc họp để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trật tự, thủ tục hoặc các sự kiện liên quan đến thủ tục, trật tự cuộc họp diễn ra một cách ngẫu nhiên ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực cao nhất.
8. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, bất cứ lúc nào chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng có thể tạm hoãn cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu thấy rằng:
 - a. địa điểm tổ chức họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
 - c. việc tạm hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của các Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp. Cuộc họp tiếp theo cuộc họp bị tạm hoãn sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị tạm hoãn trước đó.

Thời hạn tạm hoãn không quá 3 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Chủ tọa cuộc họp hoặc thư ký có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc là để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a. điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc giậy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.



12. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm cuộc họp, Hội đồng quản trị có thể:
- thông báo rằng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);
 - bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không tham dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham họp.
Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia dự họp theo hình thức nêu trên ở Địa điểm chính của cuộc họp.
Hàng năm Tổng Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

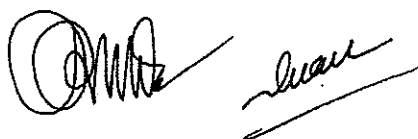
ĐIỀU 19: THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP HOẶC BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua tại cuộc họp khi số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền) chấp thuận.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được chào bán; giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc Đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giao dịch mua đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; sáp nhập, tổ chức lại và giải thể Tổng Công ty; thay đổi các quyền theo Điều 16 của Điều lệ phải được thông qua khi số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền) chấp thuận.
- Việc biểu quyết bầu mới thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trúng cử sẽ được lựa chọn lần lượt theo thứ tự từ những người có tổng số phiếu bầu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát cần bầu. Người trúng cử thành viên HĐQT hay Ban kiểm soát phải có số phiếu bầu ít nhất bằng 65% tổng số cổ phần dự họp. Cách tính là lấy số phiếu bầu làm tử số và tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp làm mẫu số. Ứng cử viên đạt tỉ lệ từ 65% trở lên sẽ trúng cử. Trong trường



hợp không thể chọn được thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát vì các thành viên được bầu có số phiếu bằng nhau nhiều hơn số ứng viên cần chọn còn lại thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu lại chỉ trong những ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để lựa chọn đúng số người cần chọn còn lại.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.
Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định dưới đây của Điều này.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và Pháp luật;
 - b. Gửi bằng phương thức bảo đảm phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các Cổ đông này có đầy đủ thông tin trước khi có thể ra các quyết định;
6. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại khoản 4 của Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông đối với cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.



Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

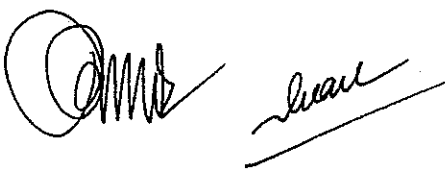
9. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết.
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các quyết định đã được thông qua.
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

10. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
11. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
12. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.
13. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý



kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày (10) kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 20: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 07 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

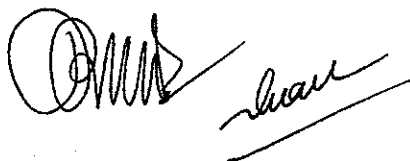
Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Tổng Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không được là Người có liên quan của Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Các Cổ đông nắm giữ ít nhất 5% số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số Cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ tối đa bảy thành viên vào Hội đồng quản trị.



Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều 19.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiên có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.



3. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó mất năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một vị trí khuyết bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp theo đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 21: QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức các chức danh Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Tổng giám đốc); quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh đó; phê chuẩn việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác được quy định tại Điều 37, 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng với những người bị miễn nhiệm (nếu có);



- d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Tổng Công ty, phê chuẩn điều lệ Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phê chuẩn việc thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn (kể cả góp vốn liên doanh), mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- e. Đề xuất cho ĐHĐCĐ thông qua các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- f. Đề xuất cho ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá xác định trước phù hợp với quy định tại Điều 5.9 của Điều lệ;
- g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi.
- h. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và những Người quản lý khác trong điều hành công việc của Tổng Công ty.
- i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 120.3 và 120.1 Luật Doanh nghiệp;
- j. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- k. Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm thời, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp;
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
- o. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý giải quyết các khiếu nại của Người quản lý đó;
- p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng



Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Tổng Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 và trừ trường hợp qui định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);
 - d. Mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị giao dịch lớn hơn 20 tỷ đồng;
 - e. Định giá các tài sản góp vốn vào Tổng Công ty không phải bằng tiền Việt Nam, liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - f. Việc Tổng Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - g. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;
 - i. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty.
 - j. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - k. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
4. Hội đồng quản trị phải có báo cáo thường niên nộp Đại hội đồng cổ đông báo cáo về hoạt động của mình như việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty, thậm chí ngay cả khi vấn đề yêu cầu việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Pháp luật và Điều lệ quy định khác.
6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.



ĐIỀU 22: CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và nhiệm vụ được quy định tại khoản 3 của Điều này và theo Luật doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại sẽ chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ được vì lý do nào đó thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chỉ đạo việc triển khai các chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.
5. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các thành viên Hội đồng quản trị theo uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
6. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.



7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY THẾ

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này (Gọi là “Thành viên thay thế”), làm người đại diện cho mình và có quyền bãi miễn người đại diện đó.
2. Thành viên thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người ủy quyền là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người ủy quyền như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người ủy quyền vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Tổng Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo ủy quyền. Tuy nhiên, không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho Thành viên được ủy quyền không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định Thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm Thành viên thay thế được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị ký gửi cho Tổng Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một Thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.



ĐIỀU 24: CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch, thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ
Chủ tịch của Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một cuộc họp.
3. Các cuộc họp bất thường
Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng nào sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát;
4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đề nghị họp quy định tại khoản 2 Điều này, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
6. Địa điểm họp
Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp
Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm



bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể chương trình họp, thời gian và địa điểm họp; kèm theo những tài liệu cần thiết về các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được coi là họp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị hiện hữu tại thời điểm họp tham dự trực tiếp hay qua người đại diện thay thế. Nếu không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại lần thứ hai vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian và khi đó cuộc họp Hội đồng quản trị được coi là họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị hiện hữu tại thời điểm họp tham dự trực tiếp hay theo ủy quyền. Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian và khi đó cuộc họp Hội đồng quản trị luôn là họp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền họp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hoặc Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đó hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 và 120.3 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.



10. Công khai lợi ích

Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Tổng Công ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị không muộn hơn 01 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng những thành viên ký vào nghị quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Biên bản cuộc họp

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung được quy định tại Điều 113.1 của Luật Doanh nghiệp.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau.

16. Những người được mời họp dự thính

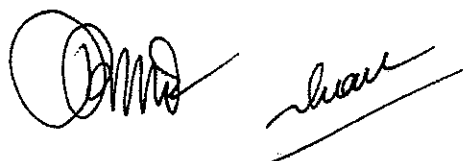
Những người sau đây có thể được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập mời họp dự thính:

- Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
- Những Người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời khi cần thiết.
- Bất kỳ người nào được Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng ý mời họp.

Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm, những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:



- a. Số lượng thành viên ở bên ngoài phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban; và
 - b. Nghị quyết của tiểu ban đó chỉ có hiệu lực nếu khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
18. Giá trị pháp lý của hành động

Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù có thể quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 25: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Bộ máy quản lý chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

ĐIỀU 26: CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty sẽ có một số lượng nhất định những cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.

ĐIỀU 27: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Bổ nhiệm:

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm. Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nhưng không hạn chế việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý hiệu quả nhất; trừ trường hợp được quy định tại Điều 14.2.k Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- c. Theo sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị, quản lý toàn bộ tài sản của Tổng Công ty, quyết định việc mua sắm, chuyên nhượng cho thuê mướn nhà xưởng, trang thiết bị, các tài sản khác của Tổng Công ty nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất;
- d. Đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Được quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh: Giám đốc và Phó giám đốc các chi nhánh, Trưởng và Phó các phòng ban chức năng Tổng Công ty, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh, Trưởng và Phó văn phòng đại diện trực thuộc Tổng Công ty và các chức danh khác không do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác được quy định tại Điều 37, 38 và Điều 39 của Điều lệ này sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn; Quyết định cơ cấu tổ chức, phê chuẩn quy chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị hạch toán phụ thuộc, quyết định ban hành điều lệ Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn .
- e. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- f. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;



- h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật;
 - i. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ này và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;
 - j. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng v.v. và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
 - k. Tuyển dụng lao động, thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật, sa thải người lao động phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, Điều lệ này và nội quy của Tổng Công ty;
 - l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - n. Được thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
4. **Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.**
Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. **Bãi nhiệm**

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc với ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

ĐIỀU 28: THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều người) làm thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Tổng Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định Pháp luật về hợp đồng lao động hiện hành. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Tổng Công ty tùy từng thời điểm.



Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Tổng Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e. Bảo mật thông tin theo các quy định của Điều lệ và Pháp luật.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

ĐIỀU 29: TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và với một mức độ cân trọng mà bất kỳ một người thân trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 30: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.



4. Các quy định về các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những Người có liên quan của họ.
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty.
 - Doanh nghiệp quy định tại Điều 118.1.a và 118.1.b Luật Doanh nghiệp và Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có thể gây ra xung đột về quyền lợi quy định tại Điều 30 này mà có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tổng Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
 - c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác có thể gây ra xung đột về quyền lợi quy định tại Điều 30 này trừ trường hợp quy định tại khoản 4.b Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - d. Hợp đồng và giao dịch có thể gây ra xung đột về quyền lợi quy định tại Điều 30 này được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm hợp đồng và giao dịch này được Hội đồng quản trị hoặc vào thời điểm mà một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn, thì không bị vô hiệu.
 - e. Hợp đồng, giao dịch có thể gây ra xung đột về quyền lợi sẽ bị xem là vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận như quy định tại khoản 4.b, 4.c và 4.d của Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó.
5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, một Người quản lý hay những Người có liên quan nào của họ được phép tiết lộ thông tin, mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc Công



ty con vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

ĐIỀU 31: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Tổng Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Tổng Công ty (hay Công ty con), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng Công ty (hay Công ty con) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tổng Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 32: BỒ NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

1. Tổng Công ty có Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự từ chối hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;



- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý kiểm toán của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị;
 - g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị.
2. Cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử tối đa 01 người vào Ban kiểm soát, từ trên 30% đến 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử tối đa 02 người vào Ban kiểm soát, trên 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử tối đa 03 người vào Ban kiểm soát.
 3. Ban kiểm soát có 3 thành viên, trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty hoặc nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Tổng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
 4. Thành viên của Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc, được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 5. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người;



6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 3 năm. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa 3 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty.
Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty.
7. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:
 - a. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và Cổ đông của Tổng Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và Cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.
 - d. Phải bảo mật các thông tin có được liên quan đến Tổng Công ty, trừ trường hợp tiết lộ, cung cấp thông tin theo nhiệm vụ của mình hoặc theo quy định của Pháp luật.
 - e. Các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - f. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm a, b, c và d của Điều 32.7 này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
 - g. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c của Điều 32.7 này đều thuộc sở hữu của Tổng Công ty.
 - h. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục.
8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng Công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó bị mất năng lực hành vi;



- d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.
9. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các Thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

XI. NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 33: NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TRONG TỔNG CÔNG TY

1. Tổng giám đốc sẽ phải lập một kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và Pháp luật.
2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.
3. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.
4. Tổng Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

XII. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 34: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong các Điều 11.4 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp



- hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. Tổng Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
 4. Mọi Cổ đông đều có quyền có được một bản Điều lệ Tổng Công ty miễn phí. Điều lệ được đưa lên website www.pvdrilling.com.vn của Tổng Công ty.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 35: CỔ TỨC

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Tổng Công ty sẽ không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền nào khác liên quan tới cổ phiếu của cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu trách nhiệm về các



thiệt hại, nếu có, phát sinh từ hình thức thanh toán đó. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Tổng Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Tổng Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Tổng Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo Cổ đông phổ thông được quyền lựa chọn hình thức nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
8. Theo quy định Pháp luật, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

XIV. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

ĐIỀU 36: QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê chuẩn. Tổng Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các Đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp Đơn vị hạch toán phụ thuộc được thành lập tại nước ngoài, Đơn vị hạch toán phụ thuộc sẽ hoạt động tuân theo các qui định của nước thành lập.



ĐIỀU 37: QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1. Tổng Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty con TNHH1TV) do Tổng Công ty thành lập. Tổng Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều 64, Điều 65 và Điều 66 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định của Pháp luật.
2. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị có quyền
 - a. Phê chuẩn việc thành lập Công ty con TNHH1TV, điều lệ Công ty con TNHH1TV và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty của Công ty con TNHH1TV theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - b. Ban hành quy chế quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện quyền của chủ sở hữu tại Công ty con TNHH1TV.
3. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng giám đốc ký, ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản với tư cách là đại diện của chủ sở hữu tại Công ty con TNHH1TV.

ĐIỀU 38: QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN, CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI

1. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh và công ty ở nước ngoài (Sau đây gọi chung là “Công ty con bị chi phối”) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Pháp luật về loại hình công ty đó.
2. Tổng Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại Công ty con bị chi phối theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty con bị chi phối.
3. Tổng Công ty trực tiếp quản lý vốn góp chi phối ở Công ty con bị chi phối thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty.
4. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị có quyền phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở Công ty con bị chi phối.



5. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng giám đốc ký, ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản liên quan đến người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở Công ty con bị chi phối.

ĐIỀU 39: QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của doanh nghiệp đó.
2. Tổng Công ty cử người đại diện phần vốn góp để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên doanh, liên kết giữa Tổng Công ty và Công ty liên kết.

ĐIỀU 40: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP Ở CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết là người do Tổng Công ty cử làm đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết. Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong Công ty con, Công ty liên kết;
 - b. Tham gia ứng cử hoặc đề cử người đại diện của Tổng Công ty vào bộ máy quản lý, điều hành của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của điều lệ Công ty con, Công ty liên kết và theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty.
 - c. Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Tổng Công ty.
 - d. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Tổng Công ty.
 - e. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty về hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết mà mình được cử làm đại diện.



2. Hội đồng quản trị Tổng Công ty ban hành quy chế phân cấp cho người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết. Khi chế độ, chính sách Nhà nước có sự thay đổi hoặc khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị Tổng Công ty được toàn quyền thay đổi các nội dung phân cấp cho phù hợp.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 41: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Tổng Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 42: TRÍCH LẬP QUỸ

Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình:

- a. Một khoản nộp vào quỹ dự phòng tài chính, khoản này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% Vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- b. 10% để lập quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- c. 1% để lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty;
- d. 10% để lập quỹ phát triển sản xuất.

Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ trên và các quỹ khác có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

ĐIỀU 43: NĂM TÀI KHÓA

Năm tài khóa của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó. Năm tài chính cuối cùng được kết thúc vào ngày thanh lý hoặc ngày giải thể Tổng Công ty.



ĐIỀU 44: HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Hệ thống kế toán Tổng Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Việc quyết định lựa chọn hệ thống kế toán do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.
2. Tổng Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.
3. Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO

ĐIỀU 45: BÁO CÁO HÀNG NĂM

1. Tổng Công ty lập một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm (i) một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng Công ty trong năm tài chính, (ii) một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, (iii) báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính hàng năm còn phải có bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Tổng Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
5. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong vòng ba số liên tiếp và được đưa lên trang Web của Tổng Công ty.



ĐIỀU 46: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Pháp luật.

XVII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

ĐIỀU 47: KIỂM TOÁN

1. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, một công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Tổng Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo nội dung và kế hoạch kiểm toán được Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt hàng năm.
3. Công ty kiểm toán độc lập của Tổng Công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tổng Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông nào mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông đó về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVIII. CON DẤU

ĐIỀU 48: CON DẤU

1. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành làm thủ tục khắc dấu Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật.



2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 49: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Tổng Công ty phá sản của theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b. Khi các Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Tổng Công ty;
- c. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

ĐIỀU 50: TRƯỜNG HỢP BÊ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

ĐIỀU 51: THANH LÝ

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.



2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm cho người lao động và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
 - d. Các khoản vay (nếu có)
 - e. Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
 - f. Sau khi đã thanh toán hết mọi khoản nợ trên, phần còn lại sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 52: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Tổng Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp hay các luật khác thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

XXI. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 53: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện.
2. Những điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định và Pháp luật hiện hành của Việt Nam, các thông lệ kinh doanh quốc tế chung và các quy chế của Tổng Công ty.

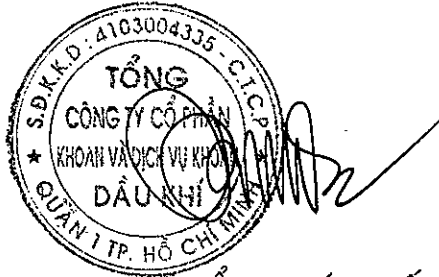


XXII. NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 54: NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản điều lệ này được gồm XXII chương 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2008, thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 03 tháng 08 năm 2006 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2008.
3. Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 03 tháng 08 năm 2006 hết hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2008.
4. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Tổng Công ty.
5. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.
6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

ĐIỀU 55: CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Văn Khanh

luau